

Số: /KH-TTYT

Sa Đéc, ngày 08 tháng 9 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Triển khai chiến dịch “Diệt lăng quăng phòng, chống bệnh Sốt xuất huyết” Đợt 3 năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 114/KH-TTYT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc về Kế hoạch Chiến dịch diệt lăng quăng phòng, chống sốt xuất huyết thành phố Sa Đéc năm 2025;

Thực hiện công văn số 1411/SYT-NVY ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc quyết liệt triển khai hoạt động phòng, chống bệnh sốt xuất huyết;

#### I. TÌNH HÌNH CHUNG

- Theo số liệu thống kê của Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, tính đến tuần 35 số ca mắc sốt xuất huyết ghi nhận tại các địa phương đều tăng so với cùng kỳ năm 2024, cụ thể như sau:

| TT | Địa phương    | Mắc 2025 | ≤15 tuổi | Mắc 2024 | So sánh cùng kỳ 2024 | Mắc/100.000 dân | Ồ dịch |
|----|---------------|----------|----------|----------|----------------------|-----------------|--------|
| 1  | Phường Sa Đéc | 129      | 54       | 19       | ↑579%                | 124             | 78     |
| 2  | Xã Tân Dương  | 33       | 13       | 24       | ↑37,5%               | 78              | 15     |

So với cùng kỳ năm 2024 số ca mắc Sốt xuất huyết tại phường Sa Đéc tăng 579%, trong đó số ca mắc ≤15 tuổi chiếm 41.86%; số ca mắc tại xã Tân Dương tăng 37,5%, trong đó số ca mắc ≤15 tuổi chiếm 39,4%; không ghi nhận ca nặng và tử vong tại 2 địa phương.

Số ca mắc cụ thể tại từng khóm, ấp: (Đính kèm Phụ lục 1).

- Thực hiện Kế hoạch số 114/KH-TTYT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc về Kế hoạch Chiến dịch diệt lăng quăng phòng, chống sốt xuất huyết thành phố Sa Đéc năm 2025, các Trạm Y tế trên địa bàn đã tham mưu chính quyền địa phương tổ chức thành công 2 đợt chiến dịch diệt lăng quăng với sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, lực lượng y tế, các ban, ngành, đoàn thể,... qua đó đã góp phần khống chế, kiểm soát tình hình bệnh sốt xuất huyết trong thời gian gần đây.

- Dự báo từ đây đến cuối năm 2025, bệnh Sốt xuất huyết sẽ diễn biến rất phức tạp do mùa mưa đã bắt đầu. Ngoài hành động của ngành Y tế với các chỉ tiêu là hạn chế số ca mắc, hạn chế số ca chuyển nặng và tử vong cũng như

không để xảy ra những ổ dịch lớn cần có sự hỗ trợ và quan tâm nhiều hơn của các cấp chính quyền địa phương và vai trò của người dân trong công tác phòng chống bệnh Sốt xuất huyết là rất quan trọng.

Nhằm tăng cường phòng, chống dịch sốt xuất huyết, không để dịch bùng phát, lan rộng kéo dài và tiếp tục duy trì các hoạt động phòng chống sốt xuất huyết; đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng và vận động các tầng lớp nhân dân có những hành động thiết thực trong hoạt động diệt muỗi, diệt lăng quăng phòng chống sốt xuất huyết. Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1 lập kế hoạch triển khai chiến dịch “Diệt lăng quăng phòng, chống bệnh sốt xuất huyết” đợt 3 năm 2025, cụ thể như sau:

## I. MỤC TIÊU

1. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong việc thay đổi hành vi vệ sinh môi trường và các biện pháp diệt lăng quăng phòng, chống bệnh sốt xuất huyết bảo vệ sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2. Huy động các cấp chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, hộ gia đình và cá nhân tham gia hoạt động diệt lăng quăng nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bệnh sốt xuất huyết.

## II. CHỈ TIÊU

1. 100% xã, phường triển khai các biện pháp diệt lăng quăng tại các hộ gia đình ở các khu vực nguy cơ cao.

2. >95% hộ gia đình tại nơi thực hiện chiến dịch được vãng gia hướng dẫn phòng chống SXHD và thực hiện các biện pháp diệt lăng quăng

3. >80% hộ gia đình tại nơi triển khai thực hiện chiến dịch **không còn lăng quăng sau chiến dịch**.

4. Chỉ số dụng cụ chứa nước có lăng quăng/50 nhà điều tra sau chiến dịch  $BI \leq 20$ .

## III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Thời gian:

- Từ ngày **12/9/2025** đến ngày **19/9/2025**
- Tiếp tục **duy trì hàng tuần tại các điểm nguy cơ**.

### 2. Phạm vi triển khai:

- Các khóm, ấp có nguy cơ cao tại phường Sa Đéc và xã Tân Dương.  
(Đính kèm Phụ lục 2)

- Dựa theo tình hình mắc sốt xuất huyết và đánh giá nguy cơ của từng xã, phường, Trạm Y tế xây dựng kế hoạch tham mưu Ủy ban Nhân dân địa phương hỗ trợ kinh phí triển khai chiến dịch tại các khóm, ấp còn lại.

#### **IV. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Trung tâm Y tế**

##### **1.1. Khoa KSBT và HIV/AIDS**

- Tham mưu Ban giám đốc Trung tâm Y tế xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

- Chọn địa điểm triển khai chiến dịch dựa theo đường cong dự báo dịch, tình hình mắc SXHD trong thời gian gần đây, qua kết quả giám sát các chỉ số muỗi và lăng quăng.

- Làm đầu mối hướng dẫn nội dung, kỹ thuật chuyên môn đồng thời lên kế hoạch giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chiến dịch diệt lăng quăng ở các xã, phường.

- Phối hợp TYT chọn điểm khảo sát côn trùng trước và sau chiến dịch, thu thập thông tin, số liệu báo cáo kết quả thực hiện sau chiến dịch về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

- Cấp phát tài liệu tuyên truyền cho các Trạm Y tế, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tổ chức hoạt động truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống bệnh sốt xuất huyết.

- Phối hợp bộ phận Truyền thông phòng Kế hoạch nghiệp vụ chia sẻ bài truyền thanh cho các trạm truyền thanh xã thông qua đầu mối TYT xã tạo sự quan tâm của người dân tích cực phòng bệnh sốt xuất huyết.

- Phối hợp Phòng Hành chính tổng hợp hướng dẫn hỗ trợ quyết toán theo qui định.

- Thực hiện giám sát tại các địa điểm triển khai, hỗ trợ các Trạm Y tế trong quá trình triển khai thực hiện..

##### **1.2. Phòng Kế hoạch nghiệp vụ**

Phối hợp Khoa KSBT và HIV/AIDS và các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động truyền thông và tuyên truyền về phòng, chống Sốt xuất huyết dựa theo tình hình thực tế của địa phương.

### 1.3. Phòng Hành chính tổng hợp

Hỗ trợ khoa KSBT và HIV/AIDS và các Trạm Y tế trong công tác quyết toán kinh phí theo qui định.

## 2. Trạm Y tế xã, phường

### 2.1. Trước chiến dịch

- Trạm Y tế lập kế hoạch, tham mưu UBND xã, phường phê duyệt kế hoạch.

- Tham mưu UBND địa phương chỉ đạo, điều phối các ban, ngành đoàn thể **tham gia, phối hợp** cùng Y tế địa phương thực hiện Chiến dịch, đặc biệt là sự tham gia phối hợp của các Trường học, lực lượng dân quân, Tổ nhân dân tự quản cộng đồng, **phân công cụ thể thành phần tham gia để thực hiện diệt lăng quăng**, giám sát từng hộ gia đình, tuyên truyền vận động và theo dõi việc thực hiện diệt lăng quăng trong và xung quanh nhà phòng bệnh SXHD.

- Vận động nhân dân tích cực thực hiện diệt lăng quăng, duy trì tình trạng không còn lăng quăng trong hộ gia đình để phòng bệnh SXHD.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên trạm truyền thanh xã trước và sau chiến dịch 03 ngày.

- Chuẩn bị hậu cần: tờ bướm, bản cam kết, đèn pin, xô, vợt, cá ...(tận dụng đèn pin sẵn có của những người tham gia chiến dịch).

- Trạm Y tế tiến hành điều tra muỗi và lăng quăng trước khi thực hiện chiến dịch (Trung tâm Y tế khu vực chọn điểm đại diện để điều tra).

### 2.2. Trong chiến dịch

- Thực hiện kế hoạch đã được UBND xã, phường phê duyệt.

- Trạm Y tế xã có kế hoạch phân công cụ thể khu vực hộ gia đình cho nhân viên Y tế ấp và các ban, ngành, đoàn thể... phụ trách, **phân nhóm từ 3-5 người phụ trách trung bình 50 đến 60 hộ gia đình, khu công trường, cơ quan, xí nghiệp, trường học, khu công cộng (vườn hoa, bãi đất trống, nghĩa trang, đình chùa...)** hướng dẫn cán bộ khi giám sát phải ghi nhận đầy đủ các thông tin trên mẫu danh sách của hộ gia đình.

- Phối hợp với các trường học cùng học sinh thực hiện diệt lăng quăng, thu gom các vật dụng phế thải có khả năng chứa nước tại khu vực trong và xung quanh trường học.

- TYT lồng ghép tuyên truyền thường xuyên bằng tờ rơi, tranh ảnh,... đặc biệt bằng **Video** hàng ngày hoặc trong các buổi tiêm chủng hàng tháng.

*Các nhóm sau khi được hướng dẫn sẽ xuống địa bàn được phân công thực hiện các việc sau:*

+ **Kiểm tra từng hộ gia đình các dụng cụ chứa nước và các vật dụng có khả năng chứa nước**, nếu dụng cụ chứa nước có lăng quăng thì **hướng dẫn, cùng gia đình loại bỏ lăng quăng** và vận động thực hiện hàng tuần không để tái phát có lăng quăng tại hộ gia đình.

+ Tuyên truyền các biện pháp phòng SXHD tại hộ gia đình: vận động thực hiện các biện pháp xua, diệt muỗi, dọn dẹp nhà cửa và xung quanh nhà thông thoáng để hạn chế nơi muỗi trú ẩn; vận động ngủ mùng thường xuyên kể cả ban ngày, dùng hương, hoá chất trừ muỗi, mặc quần dài, áo dài tay đối với trẻ em để phòng muỗi đốt.

+ Nhà trẻ, mẫu giáo và các điểm giữ trẻ cộng đồng phải thực hiện tổng vệ sinh môi trường và thường xuyên duy trì cho trẻ ngủ mùng để tránh muỗi đốt phòng bệnh sốt xuất huyết.

+ Các nhóm thực hiện chiến dịch có lưu lại hình ảnh hoặc video tổ chức chiến dịch, vắng gia hộ gia đình, các hoạt động xử lý dụng cụ chứa nước có lăng quăng.

### ***2.3. Sau chiến dịch***

- Tham mưu UBND xã, phường giao nhiệm vụ các ban ngành đoàn thể các cấp tiếp tục vận động đôn đốc các hộ dân duy trì các biện pháp diệt lăng quăng hàng tuần với khẩu hiệu **“Nhà nhà diệt muỗi, diệt lăng quăng để phòng chống bệnh sốt xuất huyết”** và thường xuyên giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh nhà ở, đặc biệt trong các điểm trường mầm non để phòng, chống bệnh SXHD.

- Sau 01 ngày chiến dịch Trạm Y tế phối hợp cùng khoa KSBT và HIV/AIDS điều tra muỗi lăng quăng và đánh giá kết quả thực hiện chiến dịch và thực hiện báo cáo theo qui định.

- Lồng ghép tuyên truyền thường xuyên trong các hoạt động tại đơn vị bằng tờ rơi, tranh ảnh,... đặc biệt bằng Video hàng ngày hoặc trong các buổi tiêm chủng hàng tháng,....

- Báo cáo kết quả thực hiện theo mẫu qui định:

+ TYT xã, phường báo cáo kết quả thực hiện chiến dịch về Khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - Trung tâm Y tế 01 tuần sau chiến dịch.

+ Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1 báo cáo về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật 10 ngày sau chiến dịch.

## **V. HẬU CẦN - KINH PHÍ**

### **1. Hậu cần**

- **Băng rôn:** *Sử dụng lại nguồn cũ.*

- **Bướm tuyên truyền:** *Sử dụng nguồn sẵn có tại đơn vị.*

**2. Kinh phí:** từ nguồn chương trình phòng chống bệnh sốt xuất huyết 2025 do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, cụ thể:

- Kinh phí thực hiện chiến dịch tại xã phường: 27.684.000 đồng. *(Hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng).* (Đính kèm Phụ lục 2).

- Kinh phí giám sát: 594.000 đồng *(Năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng)* (Đính kèm Phụ lục 3).

**Tổng kinh phí: 28.278.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng)**

Trên đây là Kế hoạch triển khai chiến dịch “Diệt lăng quăng phòng, chống bệnh sốt xuất huyết” đợt 3 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1, đề nghị các đơn vị khẩn trương phối hợp thực hiện tốt chiến dịch./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Y tế Đồng Tháp;
- Trung tâm KSBT Đồng Tháp;
- UBND phường Sa Đéc;
- UBND xã Tân Dương;
- Các khoa, phòng liên quan;
- TYT xã/phường trực thuộc;
- Lưu: VT, KSBT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Hai**

**Phụ lục 1**  
**Số ca mắc Sốt xuất huyết đến tuần 35 tại khu vực Sa Đéc 1**  
*(Kèm Kế hoạch số /KH-TTYT ngày 08/9/2025 của TTYT khu vực Sa Đéc 1)*

| STT | Đơn vị        | Địa danh cũ    | Khóm/ấp     | Số ca mắc            |                              |           |                |                | Ổ dịch     |           |
|-----|---------------|----------------|-------------|----------------------|------------------------------|-----------|----------------|----------------|------------|-----------|
|     |               |                |             | Số ca mắc trong tuần | Trong đó số ca mắc ≤ 15 tuổi | Cộng dồn  | Trong đó SXHDN | Cộng dồn SXHDN | Trong tuần | Cộng dồn  |
| 1   | Phường Sa Đéc | Phường 1       | Vinh Phước  | 0                    | 0                            | 1         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | Cái Sơn     | 2                    | 2                            | 15        | 0              | 0              | 2          | 9         |
|     |               |                | Sa Giang    | 0                    | 0                            | 8         | 0              | 0              | 0          | 5         |
|     |               |                | Vinh Hòa    | 0                    | 0                            | 2         | 0              | 0              | 0          | 2         |
|     |               |                | Cầu Đình    | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | <b>Tổng</b> | <b>2</b>             | <b>2</b>                     | <b>26</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>2</b>   | <b>16</b> |
| 2   |               | Phường 2       | Kiến An     | 0                    | 0                            | 1         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | Phú Mỹ      | 1                    | 0                            | 6         | 0              | 0              | 1          | 4         |
|     |               |                | Hòa An      | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | Hòa Khánh   | 0                    | 0                            | 3         | 0              | 0              | 0          | 3         |
|     |               |                | <b>Tổng</b> | <b>1</b>             | <b>0</b>                     | <b>10</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>1</b>   | <b>7</b>  |
| 3   |               | Phường 3       | Tân Quy     | 0                    | 0                            | 7         | 0              | 0              | 0          | 4         |
|     |               |                | Tân Long    | 0                    | 0                            | 5         | 0              | 0              | 0          | 3         |
|     |               |                | Vườn Hồng   | 1                    | 0                            | 2         | 0              | 0              | 1          | 1         |
|     |               |                | <b>Tổng</b> | <b>1</b>             | <b>0</b>                     | <b>14</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>1</b>   | <b>8</b>  |
| 4   |               | Phường 4       | Tân Hưng    | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | Cái Đồi     | 0                    | 0                            | 3         | 0              | 0              | 0          | 3         |
|     |               |                | <b>Tổng</b> | <b>0</b>             | <b>0</b>                     | <b>3</b>  | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>0</b>   | <b>3</b>  |
| 5   |               | An Hòa         | Tân An      | 0                    | 0                            | 9         | 0              | 0              | 0          | 6         |
|     |               |                | Tân Hòa     | 1                    | 1                            | 3         | 0              | 0              | 1          | 3         |
|     |               |                | Tân Thuận   | 0                    | 0                            | 14        | 0              | 0              | 0          | 8         |
|     |               |                | Tân Bình    | 4                    | 1                            | 15        | 0              | 0              | 1          | 8         |
|     |               |                | <b>Tổng</b> | <b>5</b>             | <b>2</b>                     | <b>41</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>2</b>   | <b>25</b> |
| 6   |               | Tân Quy Đông   | Tân Mỹ      | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | Tân Huệ     | 0                    | 0                            | 3         | 0              | 0              | 0          | 2         |
|     |               |                | Tân Hiệp    | 0                    | 0                            | 3         | 0              | 0              | 0          | 3         |
|     |               |                | Sa Nhiên    | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | <b>Tổng</b> | <b>0</b>             | <b>0</b>                     | <b>6</b>  | <b>0</b>       | <b>0</b>       | <b>0</b>   | <b>5</b>  |
| 7   |               | Tân Khánh Đông | Đông Khánh  | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |
|     |               |                | Đông Huệ    | 0                    | 0                            | 7         | 0              | 0              | 0          | 3         |
|     |               |                | Đông Giang  | 0                    | 0                            | 1         | 0              | 0              | 0          | 1         |
|     |               |                | Đông Quới   | 0                    | 0                            | 0         | 0              | 0              | 0          | 0         |

|                                   |              |              |             |           |          |            |          |          |           |           |  |
|-----------------------------------|--------------|--------------|-------------|-----------|----------|------------|----------|----------|-----------|-----------|--|
|                                   |              |              | Khánh Hòa   | 0         | 0        | 1          | 0        | 0        | 0         | 1         |  |
|                                   |              |              | Khánh Nghĩa | 1         | 0        | 12         | 0        | 0        | 1         | 4         |  |
|                                   |              |              | Khánh Nhơn  | 0         | 0        | 0          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | <b>Tổng</b> | <b>1</b>  | <b>0</b> | <b>21</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>1</b>  | <b>9</b>  |  |
| 8                                 |              | Tân Quy Tây  | Tân Lợi     | 0         | 0        | 0          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Tân Lập     | 0         | 0        | 1          | 0        | 0        | 0         | 1         |  |
|                                   |              |              | Tân Thành   | 0         | 0        | 7          | 0        | 0        | 0         | 4         |  |
|                                   |              |              | <b>Tổng</b> | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>8</b>   | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>5</b>  |  |
| <b>Tổng cộng</b>                  |              |              |             | <b>10</b> | <b>4</b> | <b>129</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>7</b>  | <b>78</b> |  |
| 9                                 | Xã Tân Dương | Tân Phú Đông | Phú Thành   | 0         | 0        | 8          | 0        | 0        | 0         | 3         |  |
|                                   |              |              | Phú Thuận   | 1         | 0        | 5          | 0        | 0        | 1         | 2         |  |
|                                   |              |              | Phú Hòa     | 0         | 0        | 3          | 0        | 0        | 0         | 1         |  |
|                                   |              |              | Phú Long    | 0         | 0        | 4          | 0        | 0        | 0         | 3         |  |
|                                   |              |              | Phú An      | 1         | 0        | 2          | 0        | 0        | 1         | 2         |  |
|                                   |              |              | <b>Tổng</b> | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>22</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b>  | <b>11</b> |  |
| 10                                |              | Hòa Thành    | Tân Thạnh   | 1         | 0        | 2          | 0        | 0        | 1         | 2         |  |
|                                   |              |              | Tân Thành   | 0         | 0        | 0          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Tân Hòa     | 0         | 0        | 1          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Tân Bình    | 0         | 0        | 1          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Tân Long    | 0         | 0        | 3          | 0        | 0        | 0         | 1         |  |
|                                   |              |              | <b>Tổng</b> | <b>1</b>  | <b>0</b> | <b>7</b>   | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>1</b>  | <b>3</b>  |  |
| 11                                |              | Tân Dương    | Tân Lộc A   | 0         | 0        | 2          | 0        | 0        | 0         | 1         |  |
|                                   |              |              | Tân Lộc B   | 0         | 0        | 1          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Tân Thuận A | 1         | 1        | 1          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Tân Thuận B | 0         | 0        | 0          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | Hậu Thành   | 0         | 0        | 0          | 0        | 0        | 0         | 0         |  |
|                                   |              |              | <b>Tổng</b> | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>4</b>   | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b>  | <b>1</b>  |  |
| <b>Tổng cộng</b>                  |              |              |             | <b>4</b>  | <b>1</b> | <b>33</b>  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>3</b>  | <b>15</b> |  |
| <b>Tổng cộng khu vực Sa Đéc 1</b> |              |              |             | <b>14</b> | <b>5</b> | <b>162</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>10</b> | <b>93</b> |  |

**Phụ lục 2**

**Khóm, ấp và kinh phí dự kiến triển khai thực hiện chiến dịch**  
*(Kèm Kế hoạch số /KH-TTYT ngày 08/9/2025 của TTYT khu vực Sa Đéc 1)*

| <b>TT</b>                                                                    | <b>Đơn vị</b>        | <b>Số Hộ</b> | <b>Tổng số tiền</b><br><i>(3.000 đồng/hộ)</i> |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------|-----------------------------------------------|
| <b>I</b>                                                                     | <b>Phường Sa Đéc</b> | <b>7.311</b> | <b>21.933.000</b>                             |
| 1                                                                            | Khóm Cái Sơn         | 1.255        | 3.765.000                                     |
| 2                                                                            | Khóm Hòa Khánh       | 1.368        | 4.104.000                                     |
| 3                                                                            | Khóm Tân Qui         | 709          | 2.127.000                                     |
| 4                                                                            | Khóm Cái Đôi         | 461          | 1.383.000                                     |
| 5                                                                            | Khóm Tân Bình        | 1.344        | 4.032.000                                     |
| 6                                                                            | Khóm Tân Huề         | 690          | 2.070.000                                     |
| 7                                                                            | Khóm Khánh Nghĩa     | 852          | 2.556.000                                     |
| 8                                                                            | Khóm Tân Thành       | 632          | 1.896.000                                     |
| <b>II</b>                                                                    | <b>Xã Tân Dương</b>  | <b>1.917</b> | <b>5.751.000</b>                              |
| 1                                                                            | Ấp Phú Thành         | 830          | 2.490.000                                     |
| 2                                                                            | Ấp Tân Thạnh         | 437          | 1.311.000                                     |
| 3                                                                            | Ấp Tân Lộc B         | 650          | 1.950.000                                     |
| <b>Tổng cộng I+II</b>                                                        |                      | <b>9.228</b> | <b>27.684.000</b>                             |
| <b>Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng.</b> |                      |              |                                               |

**Phụ lục 3**  
**Kinh phí giám sát chiến dịch**  
*(Kèm Kế hoạch số /KH-TTYT ngày 08/9/2025 của TTYT khu vực Sa Đéc 1)*

| TT                                                         | Đơn vị               | TYT/Điểm Y tế            | Số Km    | Số lượt/Đợt | Thành tiền<br>(4.000 đồng/km) |
|------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|----------|-------------|-------------------------------|
| <b>I</b>                                                   | <b>Phường Sa Đéc</b> |                          |          |             | <b>294.000</b>                |
| 1                                                          | Khóm Cái Sơn         | TYT Phường Sa Đéc        | 1        | 3           | 12.000                        |
| 2                                                          | Khóm Hòa Khánh       | Điểm Y tế số 4           | 3        | 3           | 36.000                        |
| 3                                                          | Khóm Tân Qui         | Điểm Y tế số 5           | 3        | 3           | 36.000                        |
| 4                                                          | Khóm Cái Đôi         | Điểm Y tế số 6           | 3        | 3           | 36.000                        |
| 5                                                          | Khóm Tân Bình        | Điểm Y tế An Hòa         | 2        | 3           | 24.000                        |
| 6                                                          | Khóm Tân Huê         | Điểm Y tế Tân Quy Đông   | 3,5      | 3           | 42.000                        |
| 7                                                          | Khóm Khánh Nghĩa     | Điểm Y tế Tân Khánh Đông | 5        | 3           | 60.000                        |
| 8                                                          | Khóm Tân Thành       | Điểm Y tế Tân Quy Tây    | 4        | 3           | 48.000                        |
| <b>II</b>                                                  | <b>Xã Tân Dương</b>  |                          |          |             | <b>300.000</b>                |
| 1                                                          | Ấp Phú Thành         | Điểm Y tế Tân Phú Đông   | 5        | 3           | 60.000                        |
| 2                                                          | Ấp Tân Thạnh         | TYT Tân Dương            | 10       | 3           | 120.000                       |
| 3                                                          | Ấp Tân Lộc B         | Điểm Y tế Tân Dương 1    | 10       | 3           | 120.000                       |
| <b>Tổng cộng I+II</b>                                      |                      |                          | <b>0</b> | <b>0</b>    | <b>594.000</b>                |
| <b>Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng.</b> |                      |                          |          |             |                               |